

Trụ Năm 1988			Trụ Tháng 12			Trụ Ngày 03			Trụ Giờ 18:01					
Sát MẬU	THÌN	Tuyệt	Kiếp QUÝ	HỢI	Đ.Vượng	Thân NHÂM	Sát THÌN	L.Quan	Quan KỶ	DẬU	Thai T.Sinh			
Mậu	Ất	Q.Đói	Giáp	Nhâm	Đ.Vượng	Mậu	Ất	Mộ		Tân				
Sát	Thương	Kiếp	Thực	Tỷ		Sát	Thương	Quý		Án				
Tuyệt	Tử	Đ.Vượng	T.Sinh	L.Quan		Tuyệt	Tử	Kiép		M.Dục				
Mộ			Lâm Quan			Mộ			Mộc Dục					
Hoa Cái		Kiến Lộc			Đại Hao	Hoa Cái		Â.Đương Lệch	Tiền Thần		Cửu Quý PH.			
Hồng Diễm		Vong Thần				Khôi Cương			Đào Hoa					
Thái Cực		Hồng Loan				Hồng Diễm			Học Sỹ					
Phúc Tinh						Thái Cực								
						Tú Quý Nhân								
						Phúc Tinh								
Đại Vận 0 (0 - 0 tuổi)			Đại Vận 1 (1 - 10 tuổi)			Đại Vận 2 (11 - 20 tuổi)			Đại Vận 3 (21 - 30 tuổi)					
Kiếp QUÝ	HỢI	Đ.Vượng	Thực GIÁP	TÝ	M.Dục	Thương ÁT	SỬU	Suy	T.Tài BÍNH	DÀN	T.Sinh			
Giáp	Nhâm			Quý		Ký	Tân	Quý	Giáp	Bính	Mậu			
Thực	Tỷ			Kiếp		Quan	Án	Kiép	Thực	T.Tài	Sát			
T.Sinh	L.Quan			L.Quan		Mộ	Dưỡng	Đ.Đói	L.Quan	T.Sinh	T.Sinh			
Đại Vận 4 (31 - 40 tuổi)			Đại Vận 5 (41 - 50 tuổi)			Đại Vận 6 (51 - 60 tuổi)			Đại Vận 7 (61 - 70 tuổi)					
Tài ĐINH	MÃO	Bệnh	Sát MẬU	THÌN	Q.Đói	Quan KỶ	TÝ	Đ.Vượng	Kiêu CANH	NGỌ	M.Dục			
	Ất		Mậu	Ất	Quý	Bính	Mâu	Canh	Đinh	Ký				
	Thương		Sát	Thương	Kiép	T.Tài	Sát	Kiêu	Tài	Quan				
	L.Quan		Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan				
Đại Vận 8 (71 - 80 tuổi)			Đại Vận 9 (81 - 90 tuổi)			Đại Vận 10 (91 - 100 tuổi)			Đại Vận 11 (101 - 110 tuổi)					
ÂN	MÙI	Suy	Tỷ NHÂM	THÂN	T.Sinh	Kiếp QUÝ	DẬU	Bệnh	Thực GIÁP	TUẤT	Dưỡng			
TÂN	Ất	Đinh	Canh	Mậu	Nhâm		Tân		Mậu	Đinh	Tân			
Kỷ	Thương	Tài	Kiêu	Sát	Tỷ		Án		Tài	Thái	Án			
Quan		Q.Đói	L.Quan	Bệnh	T.Sinh		Ân		Đinh	SỬU	Mộ			
	Dưỡng													
Sát MẬU	1988	1 tuổi	Quan KỶ	1989	2 tuổi	Kiêu CANH	1990	3 tuổi	Ân TÂN	1991	4 tuổi	Tỷ NHÂM	1992	5 tuổi
Kiếp QUÝ	1993	6 tuổi	Thực GIÁP	1994	7 tuổi	Thương ÁT	1995	8 tuổi	T.Tài BÍNH	1996	9 tuổi	Tài ĐINH	1997	10 tuổi
Sát MẬU	1998	11 tuổi	Quan KỶ	1999	12 tuổi	Kiêu CANH	2000	13 tuổi	Ân TÂN	2001	14 tuổi	Tỷ NHÂM	2002	15 tuổi
Kiếp QUÝ	2003	16 tuổi	Thực GIÁP	2004	17 tuổi	Thương ÁT	2005	18 tuổi	T.Tài BÍNH	2006	19 tuổi	Tài ĐINH	2007	20 tuổi
Sát MẬU	2008	21 tuổi	Quan KỶ	2009	22 tuổi	Kiêu CANH	2010	23 tuổi	Ân TÂN	2011	24 tuổi	Tỷ NHÂM	2012	25 tuổi
Kiếp QUÝ	2013	26 tuổi	Thực GIÁP	2014	27 tuổi	Thương ÁT	2015	28 tuổi	T.Tài BÍNH	2016	29 tuổi	Tài ĐINH	2017	30 tuổi
Sát MẬU	2018	31 tuổi	Quan KỶ	2019	32 tuổi	Kiêu CANH	2020	33 tuổi	Ân TÂN	2021	34 tuổi	Tỷ NHÂM	2022	35 tuổi
Kiếp QUÝ	2023	36 tuổi	Thực GIÁP	2024	37 tuổi	Thương ÁT	2025	38 tuổi	T.Tài BÍNH	2026	39 tuổi	Tài ĐINH	2027	40 tuổi
Sát MẬU	2028	41 tuổi	Quan KỶ	2029	42 tuổi	Kiêu CANH	2030	43 tuổi	Ân TÂN	2031	44 tuổi	Tỷ NHÂM	2032	45 tuổi
Kiếp QUÝ	2033	46 tuổi	Thực GIÁP	2034	47 tuổi	Thương ÁT	2035	48 tuổi	T.Tài BÍNH	2036	49 tuổi	Tài ĐINH	2037	50 tuổi

Sát MÃU	2038 NGỌ	51 tuổi Đ.Vượng	Quan KỶ	2039 MÙI	52 tuổi Q.Đới	Kiêu CANH	2040 THÂN	53 tuổi L.Quan	An TÂN	2041 DẬU	54 tuổi L.Quan	I ý NHÂM	2042 TUẤT	55 tuổi Q.Đới
Kiếp QUÝ	2043 HỢI	56 tuổi Đ.Vượng	Thực GIÁP	2044 TÝ	57 tuổi M.Dục	Thương ẤT	2045 SỬU	58 tuổi Suy	T.Tài BÍNH	2046 DẦN	59 tuổi T.Sinh	Tài ĐỊNH	2047 MÃO	60 tuổi Bệnh

Kim Hỏa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tú trù này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trù, bát tự hay tú trù là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bồi khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trù là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trù và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trù được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trù này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trù này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tú Trù

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Nhâm Thủy gặp địa chi trù năm Thìn Thổ không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là Nhâm Thủy gặp địa chi trù tháng Hợi Thủy được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là Nhâm Thủy gặp địa chi trù ngày Thìn Thổ không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Nhâm Thủy** gặp địa chi trụ giờ Dậu Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **. Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 5/10

Lệnh Tháng với túc trụ

Can Năm **Mậu** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Quý** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Đế Vượng** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Nhâm** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Lâm Quan** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Kỷ** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Giáp Dần** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Túc: **Đinh Dậu** (Thai túc là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai túc thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Giáp Dần và Đinh Dậu này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Túc Trụ

Thai nguyên **Giáp Dần** nạp âm là **Thủy**, gặp cung mệnh Tân Dậu nạp âm là **Mộc** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên **Giáp Dần** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ năm **Mậu Thìn** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp Dần** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ tháng **Quý Hợi** nạp âm là **Thủy** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Giáp Dần** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ ngày **Nhâm Thìn** nạp âm là **Thủy** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Giáp Dần** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ giờ **Kỷ Dậu** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù túc kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho túc trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Túc Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Mậu Thìn** là **Thổ** **Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Quý Hợi** là **Thủy** **Thủy** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Nhâm Thìn** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Kỷ Dậu** là **Thổ** sinh Kim.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của túc trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 4/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Thìn Thìn này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Nhâm Thìn và Quý Hợi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Thìn Dậu này là lục hợp Kim cục, hơi tốt.

Thân Vượng: **Thủy 32/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong túc trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Thủy** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **32/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán

khác về thân vượng nhược mà ở đây **18/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng Thủy**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Thủy** thì dụng thần nên là **Thổ** để khắc bớt **Thủy**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chêt rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chêt úng.

Dụng Thần: Hỏa Kim (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 1)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Anh vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Kim (dụng thần 2)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Kim** đều tốt cho Quý Anh vì **Kim** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Kim**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ

đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Mậu Thìn** bị **Giáp Tuất** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Tuất**.

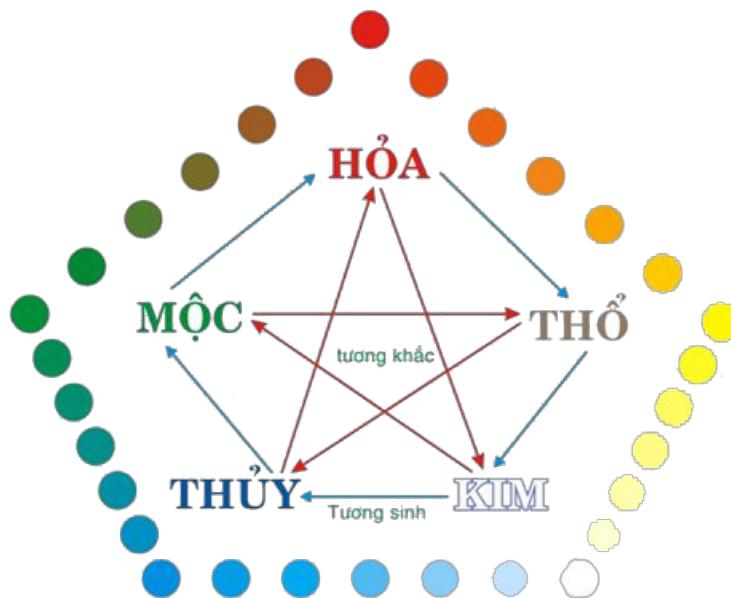
Trụ Tháng **Quý Hợi** bị **Kỷ Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Tỵ**.

Trụ Ngày **Nhâm Thìn** bị **Mậu Tuất** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Tuất**.

Trụ Giờ **Kỷ Dậu** bị **Ất Mão** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Ất Mão**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn

Nhũ hành	Mộc	HỎA	Thổ	Kim	Thủy
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (Ấm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Thủy

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thủy có nước da ngăm ngăm đen, hơi béo, thịt nhiều; bụng tròn, chân mày rậm; miệng rộng, ngón tay mập tròn; thản mắt lộ; bàn tay bàn chân lớn nhưng trông không thô kệch; đi đứng chậm chạp và ăn uống cũng chậm chạp; tính ý giản dị và tiếng nói hơi khàn. Nhìn chung người thuộc Thủy mà hợp tướng như vậy là rất tốt, trước khổ sau sướng, con cái an hòa, gia đình hưng vượng.

Nhìn chung, người thuộc Thủy hợp với phương Bắc. Và có thể thích hợp với khá nhiều nghề, đặc biệt là những ngành nghề liên quan tới chất lỏng, như: dầu khí, rượu, nước...

Quý Anh Người Thuộc Thủy Vượng

Người mà Thủy vượng có sắc mặt hơi đen, nói năng nhỏ nhẹ, rành mạch, túc trí đa mưu, giàu lòng bác ái và trí tuệ thông minh, học nhanh hơn người. Người mà Thủy quá vượng là người tính hay cáu gắt, hay cãi cọ, tính tình thay đổi thất thường. Những người mà Thủy quá vượng thường dễ mắc các bệnh về thận, bàng quang, bắp đùi, chân, đầu, gan, tiết niệu, thắt lưng, tử cung, âm hộ...

Cung Mệnh ở Dậu sao Thiên bí

Quý Anh tính tình cương trực, đề phòng điều tiếng.

Trụ năm của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ năm có thiên quan (sát) là con thứ, trên có anh chị. Nếu là kỵ thần thì sinh ở gia đình nghèo khó.

Trụ tháng của Quý Anh có Kiếp Tài

Kiếp tài (kiếp) ở trụ tháng là tiền tài khó tụ, thích đầu cơ, thích ăn mặc chung diện. Trường hợp tọa dương nhẫn thì vì tiền mà bị nạn.

Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ ngày có Thiên quan (sát) thì bạn đời tính cứng rắn, thích bạo động, nếu không có thực thần chế thì vợ chồng bất hòa, lại gặp xung thì lâm tai nhiều bệnh. Nếu có thực thần chế hoặc hợp thành tương khắc thì có thể giải. Nếu 4 can đều có thiên quan (sát) mà không có chế phục thì nhiều tai ho.a.

Trụ giờ của Quý Anh có Chán Quan

Trụ giờ có chính quan thì con cái đôn hậu chính trực. Nếu tọa ở tử tuyệt thì có con mà không được nhờ cậy lúc tuổi già.

Trong tú trụ có 2 Thìn

Trụ có 2 thìn nên coi chừng hạn năm thìn vào tháng thìn ngày tuất hay hướng tuất dễ bị nguy hiểm vì trụ có đủ cách tam hình.

Trong trụ của Quý Anh có Tiền Thần Quý

Tiền thần quý chủ tính ngay thẳng quyết đoán, gặp việc cứ tiền hành thì tốt nhưng lùi bước ngược lại thành xấu. Mệnh nữ nếu ngày tiền thần lại có sao đào hoa (hàm trì, diên trì) cùng trụ thì dung mạo đẹp đẽ nhưng hiếu sắc, nếu có mang sao quan là mệnh nghiêng nước nghiêng thành.

Tú Trụ của Quý Anh có Chánh Quan và Thất Sát

Thiên quan / Thiên phúc quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, được ân huệ, phúc lộc.

Tú Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tú Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Trụ tháng có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ ngày Có Hoa Cái và Mộ

Hoa cái ở trụ ngày tạo vận mộ: khắc vợ, ở trụ giờ khắc con.

Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Trong tú trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhẫn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Trụ tháng có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Chi tháng có sông dê chủ về tính tình ngang ngược, khác người.

Tú Trụ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sông dê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sông dê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ tháng có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Tháng có Sông dê: tính thích khoa trương hoặc cha mẹ anh em không có tài.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163)

Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối.

Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ.

Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng. Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa.

Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Khôi canh quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 129)

Trong trụ không có tài, quan, hình, sát thì mới tốt, nếu có lại là xấu.

Nếu gặp vượng địa thì tốt vô cùng.

Trong bốn ngày đó, đối với canh tuất và canh thìn nếu tú trụ có quan là không tốt; hai ngày mậu tuất và nhâm thìn nếu trong tú trụ có tài vận cũng không tốt.

Khôi canh quý nhân chỉ về người có tính cách thông tuệ, ưa sát phạt.

Nếu trong tú trụ có hình xung phá hại thì người ấy nghèo rách kiệt quệ.

Người gặp thiên canh địa khôi, nếu suy thì nghèo đói rách nát; nếu vượng thì giàu sang tuyệt trần, khôi canh tụ hội thì phúc phát phi thường.

Tính cách thông minh, văn chương nổi tiếng, gặp việc thì quả đoán, nắm quyền thích sát phạt, thân vượng thì phát phúc to.

Nhưng gặp tài quan thì tai họa ập đến ngay, nếu tú trụ có hình sát thì còn nặng hơn.

Nếu lâm tài vượng, quan vượng thì phải đề phòng tai họa bất ngờ. Nếu lệnh tháng gặp tài quan ấn thụ, ngày chủ một trong bốn ngôi, tức lấy tài quan ấn thực làm dụng thần, tuy hơi bị phá tài, nhưng nhờ tài quan ấn thực đưọc ngôi nên không bị hại nhiều.

Canh tuất, canh Thìn hai ngày này không có quan tinh, nếu khôi canh trùng điệp hữu tình thì chủ về phú quý danh tiếng; nếu gặp tài quan thì xấu.

Gặp tuế vận còn gặp cả tài quan vượng thì tai vạ khôn lường.

Người trong tú trụ tuy có khôi canh quý nhân, tuy có tài lãnh đạo, tiếng vang sức mạnh, thích quyền bính, hiếu thắng, nhưng việc hôn nhân thường trắc trở. Ngoài ra nếu không tôn trọng pháp luật thì khó tránh tù đày.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139)

Lộc là tước lộc, nhờ có thế lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh.

Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc.

Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỵ thấy khắc.

Lộc mã từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên.

Lộc sơ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không.

Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đinh chúc, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ.

Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác.

Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống đê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha.

Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc.

Thiên xá (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Thiên xá là ngôi sao gặp hung hóa cát, sao giải tai họa. Trong mệnh gặp nó là có cứu. Đặc biệt đối với người có tội là có dịp may được hoàng đế đại xá, cho nên là sao tốt.

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong túc là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gấp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gấp tài cục là tài vượng, gấp quan cục là quan vượng, gấp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt túc là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu túc là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẩn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiền lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghiệp nhờ việc công.

Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi

được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dụ Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện túc là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phuong của nguyên thần thì có thể vô hại.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp.

Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không ghen ró trong tập thể.

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Nhật nguyên Quý Anh sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không

chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tú trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứa tổng kết các Tú trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bồ mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tú trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thi cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànhs tôt đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giànhs giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tì kiếp khắc cha.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tú trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tú trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trong Tú trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Lệnh tháng kiến lộc là khó giữ được tổ nghiệp

Hàm trì hợp với quan là nhà sa sút, người xa rời nhau.

Trụ năm là thất sát, tì kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Can năm đóng ở tử tuyệt, mộ hoặc bị hình, xung, khắc, là tổ tiên suy bại.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Âm dương xô lệch nhau là giao thiệp bạn bè ít.

Trụ năm có thất sát, tì kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tì kiếp Quý Anh gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tì kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tì kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tì kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tháng và ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Trụ tháng Quý Anh gặp trường sinh để vượng là anh chị em rất đông.

Thất sát mà vượng, tì kiếp nhiều thì anh em đông mà lại đồng tâm.

Trong Tú trụ Quý Anh gặp quan sát nhiều là khắc anh chị em.

Mệnh Quý Anh gặp hoa cái là anh em ít.

Trụ ngày Quý Anh vượng, tì kiếp nhiều là anh em bất hòa hoặc gia đình chia lìa.

Tì kiếp Quý Anh bị xung khắc là anh em bất hòa hoặc nhiều bệnh tật.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Mậu Thìn** hợp với Nữ tuổi **Canh Ngọ - Quý Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Quý Anh gặp Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn. Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn. Ví dụ : bính tí, kỉ sửu, mậu dần, tân mão, nhâm thìn, quý tị, bính ngọ, đinh mùi, mậu thân, tân dậu, nhâm tuất, quý hợi.

Quý Anh có Thất sát đóng ở trụ ngày thì vợ chồng bất hòa, không chia tay nhau sẽ gặp điều xấu.

Trong Tứ trụ Quý Anh có phu tinh, thê tinh hợp nhau là cuối cùng có sự ly biệt.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

Quý Anh có Kiếp tài đóng ở ngày, chủ về vợ nội trợ tốt, hoặc nhờ vợ mà phát tài.

Quý Anh có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Anh là thìn tuất sửu mùi thì vợ bình thường

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kình dương, hành vận đến lúc gặp kình dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh Nam gặp mộ tuyệt là vợ có bệnh hoặc tính nết không hiền lành, hoặc vợ đến tuổi cao vẫn còn tái giá.

Quý Anh có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Tứ trụ không có tài là người đi theo tăng đạo, khó có vợ, có con.

Quý Anh có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Quý Anh có Trụ ngày phạm hoa cái là khắc vợ.

Quý Anh có Trụ ngày gặp thất sát là chủ về có vợ hung bạo, sát chồng.

Công Danh Sư Nghiệp

Tài vận với tú trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tú trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Lệnh tháng Quý Anh có kiến lộc, đến vận lại gặp tài quan thì tự nhiên phát lên giàu có.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Quý Anh Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Kiếp tài không nên gặp vượng địa, mà Quý Anh lại gặp kiếp tài vượng địa thì hao tài.

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tú trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Tú trụ Quý Anh Sát vượng, thân vượng là quan thanh liêm (Trong trụ không có chút Quan tinh nào).

Quý Anh có Quan ở cung giờ, mạng cường, tuổi về già được phong quan.

Quý Anh có Quan tinh đới Đào hoa, rất quý.

Quý Anh có Khôi Canh đới Sát phùng xung chiến, tính cao cường mà nắm quyền sinh sát.

Quý Anh Sát có Thực mà không có Kiêu thần, nếu không nắm quyền sinh sát cũng nắm chức quân đội, hình cảnh.

Nhật Quý Anh là Khôi Canh dễ nắm đại quyền.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, nhậm chức chỉnh đốn kỷ cương trong triều.

Trong trụ Quý Anh Thương Quan gặp Quan, không có Tài thì không có chức vị.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hồn tặc, không quí hiễn được.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Anh Nhật yêu Thực Thương lại nhiều, sợ học.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, có đàm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Anh có Thực đàng trước Sát đàng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Quý Anh có Tỷ Kiên gấp Lộc, anh em danh cao.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

Quý Anh có Thương Quan không có chút Tài tinh, tuy thông minh cơ xảo cũng chỉ hư danh hư lợi.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Chính Quan Quý Anh là thổ, cá tính ôn hòa, đồng thời cũng là người chính trực, trên các mặt đều biểu hiện ngay thẳng và khoan dung, tuy nhiên cũng thích hợp nhiều ngành, xử lý sự việc quyết đoán, nghĩa khí, đồng thời khái niệm kinh tế cũng rất chính xác, thích hợp với nghề tài chính, kinh tế, tiền tệ, quân đội cảnh sát.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cửu lưu...

Quý Anh Thân vượng, Tỷ Kiên mạnh, tránh kinh doanh hoặc đầu cơ mạo hiểm, tốt nhất làm công chức hoặc làm ăn ổn định.

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ân tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thân, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Quý Anh có Quan tinh đóng ở trụ giờ là con cái tháo vát, thăng tiến.

Quý Anh có Đào hoa đóng ở trụ giờ là con cái đẹp, thông minh, phong lưu.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Trụ ngày có thất sát lúc sinh vắng mặt cha.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mão, dậu là lúc sinh ra nambiển.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thân là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thân là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Anh có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Trong Tứ trụ Quý Anh có quan sát, khi đến đại vận lưu niên nếu gặp thương quan, thực thân thì sẽ làm tổn thương con cái, qua vận đó mới bình thường.

Quý Anh Tuy thân mạnh nhưng bị sát xì hơi là con cái ít và không phát đạt.

Trụ giờ Quý Anh quan tinh không có khí thì sinh con nhưng khó nuôi.

Giờ khắc can ngày là con không kính trọng cha.

Quý Anh Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Trong trụ Quý Anh thất sát nhiều lại không bị chế ngự là không có con.

Mão dậu đóng Quý Anh ở trụ giờ thì mắt to hoặc là mắt hiếng, bình thường hay lêu lổng chơi bời, thích xa rời cha mẹ. Nếu trong trụ có hình khắc thì có thể chột mắt.

Trụ năm Quý Anh làm thương tổn can ngày là cha và con không thân nhau.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Anh Sinh mùa đông, mang không có hỏa, chỉ dưới bị hàn lạnh.

Quý Anh Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm thấy hiện tượng ngực dưới như bị thương, thở gấp, miệng khô khát.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy

nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyêt sắc.

Thủy mộc sinh lẫn nhau, tỳ vị thương tổn.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tú trù sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh.., chi là tý sủu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ân**(Chánh Ân), **Kiêu**(Phiến Ân, Thiên Ân), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tú trù, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trù và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trù đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trù phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trù, sự bố cục các sao của trù..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tú trù thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trù năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17																																											
<table border="1"><tr><td>Thương</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>CANH</td><td>THÂN</td></tr><tr><td>Canh</td><td>Mẫu</td></tr><tr><td>Thương</td><td>Kiếp</td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>Q.Đới</td></tr></table>	Thương	Dưỡng	CANH	THÂN	Canh	Mẫu	Thương	Kiếp	Dưỡng	Q.Đới	<table border="1"><tr><td>Thương</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>CANH</td><td>THİN</td></tr><tr><td>Mẫu</td><td>Át</td></tr><tr><td>Kiếp</td><td>Sát</td></tr><tr><td>Q.Đới</td><td>Q.Đới</td></tr></table>	Thương	Dưỡng	CANH	THİN	Mẫu	Át	Kiếp	Sát	Q.Đới	Q.Đới	<table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KY</td><td>MÙI</td><td>Q.Đới</td></tr><tr><td>Kỷ</td><td>Át</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>Tỷ</td><td>Sát</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Suy</td><td>Q.Đới</td><td>Suy</td></tr></table>	Thần	Tỷ	Suy	KY	MÙI	Q.Đới	Kỷ	Át	Đinh	Tỷ	Sát	Kiêu	Suy	Q.Đới	Suy	<table border="1"><tr><td>T.Tài</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>QUÝ</td><td>DẬU</td></tr><tr><td>Tân</td><td>Thực</td></tr><tr><td>Thiên</td><td>Mộ</td></tr></table>	T.Tài	Dưỡng	QUÝ	DẬU	Tân	Thực	Thiên	Mộ
Thương	Dưỡng																																													
CANH	THÂN																																													
Canh	Mẫu																																													
Thương	Kiếp																																													
Dưỡng	Q.Đới																																													
Thương	Dưỡng																																													
CANH	THİN																																													
Mẫu	Át																																													
Kiếp	Sát																																													
Q.Đới	Q.Đới																																													
Thần	Tỷ	Suy																																												
KY	MÙI	Q.Đới																																												
Kỷ	Át	Đinh																																												
Tỷ	Sát	Kiêu																																												
Suy	Q.Đới	Suy																																												
T.Tài	Dưỡng																																													
QUÝ	DẬU																																													
Tân	Thực																																													
Thiên	Mộ																																													

Ý Nghĩa của từng trù:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh

- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, báu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghè tư pháp, thi cử, báu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, truy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghè nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghè nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghè tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghè, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cò độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cắp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cắp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiền thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôt (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cắp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí mạnh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bè ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hổ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôt. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thàn làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiền thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dàn và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ.

Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thản, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net